TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VB** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn B, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn S ; nơi cư trú: Thôn A, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08-11-2013 tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021 do bất đồng quan điểm,

tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Từ tháng 5/2021 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn S .

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn S có hai con chung là Phạm Thị M T, sinh ngày 20-9-2014 và Phạm X T, sinh ngày 22-3-2016. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh S .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn S xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T tự ý bỏ về gia đình chị ở Thôn B, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là Phạm Thị M T, sinh ngày 20-9-2014 và Phạm X T, sinh ngày 22-3-2016. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn S . Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thị M T, sinh ngày 20-9-2014 và Phạm X T, sinh ngày 22-3-2016 cho anh

Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh S tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn S có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh S vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 08-11-2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh S . Quá trình giải quyết vụ án, anh S không đồng ý ly hôn với chị T . Qua xác minh tại địa phương thì thấy vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, từ năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Phạm Văn S phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S có hai con chung là Phạm Thị M T, sinh ngày 20-9-2014 và Phạm X T, sinh ngày 22-3-2016. Khi ly hôn, chị T và anh S cùng đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh S có nơi ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con, cháu Phạm Thị M T, sinh ngày 20-9-2014 có nguyện vọng xin ở với anh S . Từ khi anh S và chị T sống ly thân cháu Phạm Thị M T và Phạm X T ở với anh S do anh và gia đình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của anh chị, giao cả hai con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh S tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thị M T, sinh ngày 20-9-2014 và Phạm X T, sinh ngày 22-3-2016 cho anh Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002208 ngày 14 tháng 3 năm 2022. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã CH huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền